

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành  
Dự án: Xử lý cấp bách đê, kè sông Kôn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính Quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 406/TTr-STC ngày 06/7/2021.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành với nội dung như sau:**

- Tên Dự án: Xử lý cấp bách đê, kè sông Kôn.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT tỉnh Bình Định.
- Địa điểm xây dựng: Thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Cơ quan phê duyệt dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Thời gian khởi công, hoàn thành (thực tế): 06/5/2020 - 06/02/2021.

**Điều 2. Kết quả đầu tư**

**1. Nguồn vốn đầu tư:**

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

Nguồn vốn	Tổng dự toán được duyệt lần cuối	Giá trị phê duyệt quyết toán	Thực hiện	
			Số vốn đã thanh toán	Còn được thanh toán
1	2	3	4	5 = 3 - 4
<b>Tổng số</b>	<b>50.561.406</b>	<b>50.209.857</b>	<b>50.000.000</b>	<b>209.857</b>
- Vốn từ nguồn dự phòng ngân sách Trung ương hỗ trợ và vốn ngân sách địa phương	50.561.406			
+ Nguồn vốn ngân sách Trung ương			50.000.000	

## 2. Chi phí đầu tư:

Đơn vị tính: đồng

Nội dung	Dự toán	Giá trị quyết toán
<b>Tổng cộng chi phí</b>	<b>50.561.406.000</b>	<b>50.209.857.000</b>
<b>1. Chi phí đền bù GPMB</b>	<b>1.227.937.000</b>	<b>1.227.936.000</b>
<b>2. Chi phí xây lắp</b>	<b>43.940.674.000</b>	<b>43.940.670.000</b>
<b>3. Chi phí quản lý dự án</b>	<b>978.679.000</b>	<b>978.678.000</b>
<b>4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>2.868.440.000</b>	<b>2.868.439.000</b>
<b>4.1. Giai đoạn chuẩn bị đầu tư</b>	<b>1.139.254.000</b>	<b>1.139.254.000</b>
- Lập nhiệm vụ khảo sát giai đoạn báo cáo nghiên cứu khả thi (ban đầu)	15.876.000	15.876.000
- Lập nhiệm vụ khảo sát giai đoạn báo cáo nghiên cứu khả thi (phần được bổ sung thêm)	531.000	531.000
- Khảo sát địa hình, địa chất giai đoạn báo cáo nghiên cứu khả thi (ban đầu)	575.083.000	575.083.000
- Khảo sát địa hình (phần được bổ sung thêm)	18.002.000	18.002.000
- Giám sát khảo sát giai đoạn báo cáo nghiên cứu khả thi (ban đầu)	21.549.000	21.549.000
- Giám sát khảo sát giai đoạn báo cáo nghiên cứu khả thi (phần được bổ sung thêm)	721.000	721.000
- Lập báo cáo nghiên cứu khả thi (ban đầu)	299.027.000	299.027.000
- Lập báo cáo nghiên cứu khả thi (phần điều chỉnh bổ sung)	29.448.000	29.448.000
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	179.017.000	179.017.000
<b>4.2. Giai đoạn lập TKBVTC</b>	<b>1.729.186.000</b>	<b>1.729.185.000</b>
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán (ban đầu)	775.418.000	775.418.000
- Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán (phần được bổ sung thêm)	95.726.000	95.726.000
- Giám sát thi công xây dựng	858.042.000	858.041.000
<b>5. Chi phí khác:</b>	<b>1.545.676.000</b>	<b>1.194.134.000</b>
- Lệ phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi	9.333.000	9.333.000
- Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công (ban đầu)	34.155.000	34.155.000
- Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công (phần được bổ sung thêm)	1.664.000	1.664.000

- Thẩm định dự toán (ban đầu)	32.746.000	32.746.000
- Thẩm định dự toán (phần được bổ sung)	1.593.000	1.593.000
- Thẩm định đánh giá tác động môi trường	9.500.000	9.500.000
- Thẩm tra phê duyệt quyết toán	143.594.000	140.651.000
- Bảo hiểm	454.114.000	454.114.000
- Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng	41.319.000	0
- Khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công và dự toán rà phá bom mìn, vật liệu nổ	14.559.000	14.559.000
- Thi công rà phá bom, mìn và vật liệu nổ	495.819.000	495.819.000
- Thẩm định phương án kỹ thuật thi công và dự toán rà phá bom, mìn, vật liệu nổ	2.427.000	0
- Kiểm tra, giám định chất lượng rà phá rà phá bom, mìn vật nổ	4.853.000	0
- Đo vẽ địa chính	300.000.000	0

### 3. Chi phí đầu tư được phép không tính vào giá trị tài sản: Không.

3.1. Chi phí thiệt hại do các nguyên nhân bất khả kháng: Không.

3.2. Chi phí không tạo nên tài sản: Không.

### 4. Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

Nội dung	Thuộc chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>			<b>50.209.857</b>	<b>50.209.857</b>
Tài sản dài hạn (tài sản cố định)			50.209.857	50.209.857

### Điều 3. Trách nhiệm của chủ đầu tư và các đơn vị liên quan:

1. Trách nhiệm của chủ đầu tư:

- Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>50.209.857</b>	
- <b>Vốn đã bố trí</b>	<b>50.000.000</b>	
+ Nguồn vốn Ngân sách Trung Ương	50.000.000	
- <b>Vốn chưa bố trí:</b>	<b>209.857</b>	

- Tổng các khoản công nợ tính đến ngày 10 tháng 03 năm 2020 (ngày lập báo cáo quyết toán) là:

- + Tổng nợ phải thu: Không có
- + Tổng nợ phải trả: 209.857.000 đồng
- Chi phí tư vấn (Giám sát thi công xây dựng): 69.206.000 đồng*
- Chi phí khác (Thẩm tra phê duyệt quyết toán): 140.651.000 đồng.*
2. Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản:

*Đơn vị tính: 1.000 đồng*

Tên đơn vị tiếp nhận tài sản	Tài sản dài hạn/cố định	Tài sản ngắn hạn
Ủy ban nhân dân thị xã An Nhơn	50.209.857	

**Điều 4.** Chủ đầu tư, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm quản lý, sử dụng công trình và thực hiện việc bàn giao công trình theo quy định hiện hành. Căn cứ số liệu quyết toán được duyệt, các cơ quan liên quan tiến hành cấp phát, thanh toán, hạch toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản theo đúng quy định.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Ban Quản lý dự án Nông nghiệp và PTNT; Chủ tịch UBND thị xã An Nhơn và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 5;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- PVP NN;
- Lưu: VT, K10, K17 (15b).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tuấn Thanh**